

Luật số: /2026/QH16

Dự thảo ngày
17/6/2026

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 1 như sau:

“k) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước¹;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và không phải là người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp hưu trí xã hội;”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 như sau:

“a) Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp hưu trí xã hội.

Chính phủ quy định đối tượng hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Bảo hiểm hưu trí bổ sung là loại hình bảo hiểm mang tính chất tự nguyện theo nguyên tắc thị trường nhằm bổ sung cho chế độ hưu trí trong bảo hiểm xã hội bắt buộc, có cơ chế tạo lập quỹ từ đóng góp của người sử dụng lao động hoặc của người sử dụng lao động và người lao động”.

¹ Sử dụng thuật ngữ theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 5 như sau:

“6. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để xác định điều kiện hưởng lương hưu và trợ cấp tuất hằng tháng tính theo năm, một năm phải tính đủ 12 tháng. *Trường hợp tính mức hưởng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ từ 01 tháng đến 03 tháng được tính là một phần tư (0,25) năm, từ 04 tháng đến 06 tháng được tính là nửa (0,5) năm; từ 07 tháng đến 09 tháng được tính là ba phần tư (0,75) năm, từ 10 tháng đến 11 tháng được tính là một (1) năm.* ~~Trường hợp tính mức hưởng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ từ 01 tháng đến 06 tháng được tính là nửa năm, từ 07 tháng đến 11 tháng được tính là một năm.~~”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 6 như sau:

“5. Hỗ trợ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thuộc đối tượng quy định tại các điểm g, h, m và n khoản 1 Điều 2 của Luật này.

6. Khuyến khích các địa phương tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, kết hợp huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, và hỗ trợ thêm cho người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Chính phủ quy định *thời điểm, mức điều chỉnh mức tham chiếu quy định tại Điều này chi tiết Điều này.*”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 10 như sau:

Phương án 1:

“d) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện bảo hiểm xã hội. *Việc thực hiện ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự* ~~Trường hợp ủy quyền nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và chế độ khác theo quy định của Luật này thì văn bản ủy quyền có hiệu lực tối đa là 12 tháng kể từ ngày xác lập việc ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải được chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực;~~”

Phương án 2: Giữ như quy định hiện hành.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Cơ quan bảo hiểm xã hội

Cơ quan bảo hiểm xã hội là ~~ơ quan nhà nước~~ có chức năng thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội; quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm xã hội, ~~quỹ bảo hiểm thất nghiệp~~; ~~quỹ bảo hiểm y tế; nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan.~~

~~2. Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan bảo hiểm xã hội.~~

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Yêu cầu người sử dụng lao động xuất trình sổ quản lý lao động, thang lương, bảng lương và thông tin, tài liệu khác liên quan đến việc đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.~~”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 như sau:

“4. Từ chối chi trả chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~ khi yêu cầu chi trả không đúng quy định của pháp luật; trường hợp từ chối chi trả phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, ~~việc thực hiện hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; việc đóng, chi trả bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.~~ *Kiểm tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội.*

6. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~ và quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, ~~quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.~~

7. Xử lý vi phạm pháp luật hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.~~”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“1. Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~; xây dựng chiến lược phát triển ngành bảo hiểm xã hội, chiến lược đầu tư dài hạn trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng phương án đầu tư hằng năm trình Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội quyết định; tổ chức đánh giá và công bố mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.~~

~~2. Ban hành mẫu sổ bảo hiểm xã hội, mẫu hồ sơ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.~~

3.2. Tổ chức thực hiện thu, chi bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~ theo quy định của pháp luật.

4. 3. Tiếp nhận hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~ và cấp sổ bảo hiểm xã hội, ~~thẻ bảo hiểm y tế~~ cho người lao động.

5. 4. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng và giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; tổ chức trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp~~ đầy đủ, thuận tiện và đúng thời hạn.”

6. 5. Xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp~~ cho từng người lao động; cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về việc đóng, quyền được hưởng chế độ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện khi người lao động, người sử dụng lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu.

7. 6. Ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện cải cách thủ tục hành chính bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, thuận tiện cho người tham gia và người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; lưu trữ hồ sơ của người tham gia và người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp~~ theo quy định của pháp luật.

8. 7. Quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, ~~quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế~~ theo quy định của pháp luật.

9. 8. Thực hiện các biện pháp bảo toàn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội, ~~quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế~~ theo quyết định của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội (trường hợp Điều 19 chọn phương án 1)/~~theo quyết định của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội~~ (trường hợp Điều 19 chọn phương án 2).

10. 9. Thực hiện công tác thống kê, kế toán tài chính về bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~.

11. 10. Tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.~~”

12. Thực hiện chế độ báo cáo như sau:

a) Định kỳ 03 tháng, báo cáo Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~;

b) Định kỳ 06 tháng, báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, ~~bảo hiểm thất nghiệp~~; báo cáo Bộ Y tế về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm y tế;

c) Định kỳ 06 tháng, cơ quan bảo hiểm xã hội tại địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~ trong phạm vi địa phương quản lý;

~~d) Hằng năm, báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.~~

13. 11. Định kỳ 05 năm, đánh giá và dự báo khả năng cân đối của quỹ hưu trí và tử tuất.

14. 12. Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

15. 13. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế~~ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

16. 14. Thực hiện hợp tác quốc tế về bảo hiểm xã hội, ~~bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.~~

17. 15. Xác định và theo dõi người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 30 của Luật này.”

~~18. Chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật, duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo quy định của pháp luật.~~

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

Phương án 1: Giữ như quy định hiện hành (chỉ sửa đổi về tên gọi các cơ quan).

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“ 2. Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội *bao* gồm đại diện Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở trung ương, ~~Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam các Bộ quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội và một số~~ cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

Phương án 2: Chỉ quy định nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết

“1. Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội được tổ chức ở cấp quốc gia có trách nhiệm giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giám sát hoạt động của cơ quan bảo hiểm xã hội và tư vấn chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

2. Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội *bao* gồm đại diện Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở trung ương, ~~Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam các~~

Bộ quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội và một số cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội.”

~~3. Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội là 05 năm.~~

~~4. Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội.~~

~~Thành viên Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội chịu trách nhiệm cá nhân, bảo lưu về quyết định, ý kiến của mình khi được lấy ý kiến bằng văn bản hoặc biểu quyết thông qua đối với các quy định tại Điều 20 của Luật này.~~

~~Chủ tịch Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề chưa thống nhất ý kiến giữa các thành viên Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội.~~

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 như sau:

Phương án 1: Giữ như quy định hiện hành.

Phương án 2:

~~“3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên cơ sở đề nghị của Chính phủ Chính phủ quyết định điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội xuống đủ 70 tuổi phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của ngân sách nhà nước từng thời kỳ; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội xuống dưới 70 tuổi khi đủ điều kiện cần thiết.”~~

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

~~“2. Sổ bảo hiểm xã hội được cấp bằng bản điện tử, bản giấy và có giá trị pháp lý như nhau.~~

~~Chậm nhất là ngày 01 tháng 01 năm 2026, thực hiện cấp sổ bảo hiểm xã hội bằng bản điện tử; Sổ bảo hiểm xã hội bằng bản giấy được cấp khi người tham gia bảo hiểm xã hội yêu cầu và có giá trị pháp lý như bản điện tử.”~~

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 26 như sau:

~~“3. Chậm nhất ngày 01 tháng 01 năm 2027, Cơ quan bảo hiểm xã hội phải bảo đảm điều kiện để thực hiện giao dịch điện tử thuộc lĩnh vực bảo hiểm xã hội.~~

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; *căn cứ mức độ đáp ứng việc khai thác, sử dụng của cơ sở dữ liệu Quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Chính phủ quy định việc thay thế, cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính về việc điều chỉnh, cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội từ giao dịch bằng bản giấy theo quy định của Luật này sang giao dịch điện tử để bảo đảm thuận tiện cho người tham gia và người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.*”

14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 và khoản 8 như sau:

“7. Trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc trợ cấp tuất hằng tháng thì người lao động hoặc thân nhân của người lao động được đóng tiếp một lần cho số tháng còn thiếu với mức đóng hằng tháng bằng tổng mức đóng của người lao động và người sử dụng lao động trước khi người lao động nghỉ việc hoặc chết vào quỹ hưu trí và tử tuất. Thời gian đóng tiếp không được tính là thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm ~~hoặc và nghề, công việc~~ đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm ~~do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành~~ hoặc thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn *hoặc làm nghề thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt đặc thù trong lực lượng vũ trang.*”

Trường hợp người lao động chấm dứt đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc mà thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu trên 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì có quyền đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện.

8. *Chính phủ giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết khoản 7 Điều này.*”

b) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:

“9. *Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước từng thời kỳ, Chính phủ quy định mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ và thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thuộc đối tượng quy định tại các điểm g, h, m và n khoản 1 Điều 2 của Luật này.*”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 34 như sau:

“3. Người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội cho đối tượng theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Luật này, trừ ~~trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật này~~ và trường hợp người sử dụng lao động có thỏa thuận với

người lao động về việc có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tháng đó với căn cứ đóng bằng căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tháng gần nhất.”

16. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 Điều 36 như sau:

“e) Tại thời điểm đăng ký phương thức đóng và mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này nhưng sớm nhất là tháng trước liền kề tháng người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 như sau:

“2. Không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn kê khai và nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ ~~tại khoản 1 Điều 28 của Luật này;~~”

18. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 39 như sau:

“a) Sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn kê khai và nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ ~~tại khoản 1 Điều 28 của Luật này~~ mà người sử dụng lao động không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 46 như sau:

“2. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định; trường hợp hai bên có ý kiến khác nhau thì người sử dụng lao động quyết định số ngày nghỉ trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở; trường hợp đơn vị sử dụng lao động chưa có công đoàn cơ sở và trường hợp không tổ chức công đoàn cơ sở theo quy định thì do người sử dụng lao động quyết định.

Thời gian nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe tối đa được quy định như sau:

a) 10 ngày đối với người lao động sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do mắc bệnh cần chữa trị dài ngày;

b) 07 ngày đối với người lao động sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do phải phẫu thuật;

c) 05 ngày đối với trường hợp khác.”

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 60 như sau:

“2. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe quy định tại khoản 1 Điều này do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định; trường hợp hai bên có ý kiến khác nhau thì người sử dụng lao động quyết định số ngày nghỉ trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở; trường hợp đơn vị sử dụng lao động chưa có công đoàn cơ sở và trường hợp không tổ chức công đoàn cơ sở theo quy định thì do người sử dụng lao động quyết định.

Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa được quy định như sau:

- a) 10 ngày đối với người lao động sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do mắc bệnh cần chữa trị dài ngày;
- b) 07 ngày đối với người lao động sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do phải phẫu thuật;
- c) 05 ngày đối với trường hợp khác.”

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 68 như sau:

“2. Mức hưởng trợ cấp một lần cho mỗi năm đóng cao hơn quy định tại khoản 1 Điều này bằng 0,5 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này cho mỗi năm đóng cao hơn đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người lao động đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Luật này mà tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội thì mức trợ cấp bằng 02 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này cho mỗi năm đóng cao hơn số năm quy định tại khoản 1 Điều này kể từ sau thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đến thời điểm nghỉ hưu *trương ứng với trường hợp nghỉ hưu theo quy định tại Điều 64 hoặc Điều 65 của Luật này.*”

22. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 73 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính mức bình quân quy định tại Điều 72 của Luật này của người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định được điều chỉnh như sau:

a) Đối với người lao động bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2016, được điều chỉnh ~~theo trên cơ sở mức tăng của mức tham chiếu của từng thời kỳ tại thời điểm hưởng chế độ hưu trí.~~ Đối với tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được điều chỉnh theo mức lương cơ sở tại thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành trước khi điều chỉnh theo mức tăng của mức tham chiếu của từng thời kỳ.

b) Đối với người lao động bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trở đi, được điều chỉnh như quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính mức bình quân quy định tại Điều 72 của Luật này của người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định được điều chỉnh trên cơ sở chỉ số giá tiêu dùng của từng thời kỳ ~~theo quy định của Chính phủ.~~”

b) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 82 như sau:

“Điều 82. Thay đổi hình thức nhận, nơi nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng

1. Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng có nguyện vọng thì được thay đổi hình thức nhận hoặc thay đổi nơi nhận do chuyển nơi cư trú trong nước.” thì có văn bản gửi cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang chi trả.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 87 như sau:

“1. Mức trợ cấp tuất hằng tháng đối với mỗi thân nhân bằng 50% mức tham chiếu; trường hợp thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì mức trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức tham chiếu.

~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Chính phủ giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định việc xác định thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng.”~~

25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 93 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

~~“1. Thông qua tài khoản người thụ hưởng mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.”~~

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.”

26. Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 94 như sau:

“7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.”

27. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 95 như sau:

“3. Chính phủ quy định về nguồn kinh phí thực hiện tại Điều này”.

28. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 114 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

~~“1. Thông qua tài khoản người thụ hưởng mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.”~~

b) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.”

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 115 như sau:

“Điều 115. Trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu ra nước ngoài để định cư; chuyển nơi hưởng lương hưu; tạm dừng, chấm dứt, tiếp tục hưởng lương hưu

1. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đang hưởng lương hưu ra nước ngoài để định cư nếu có nguyện vọng thì được giải quyết hưởng trợ cấp một lần và việc giải quyết hưởng trợ cấp một lần thực hiện như sau:

a) Mức trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu được tính theo thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội trong đó mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội trước năm 2014 được tính bằng 1,5 tháng lương hưu đang hưởng, mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2014 trở đi được tính bằng 02 tháng lương hưu đang hưởng; sau đó mỗi tháng đã hưởng lương hưu thì mức trợ cấp một lần trừ 0,5 tháng lương hưu. Mức thấp nhất bằng 03 tháng lương hưu đang hưởng;

b) Mức trợ cấp một lần đối với người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 03 tháng trợ cấp đang hưởng;

~~c) Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp một lần bao gồm văn bản đề nghị hưởng trợ cấp một lần kèm theo bản sao giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bản dịch tiếng Việt được chứng thực hoặc công chứng một trong các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 106 của Luật này;~~

~~d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.~~

2. Việc thay đổi hình thức nhận lương hưu hoặc thay đổi nơi nhận lương hưu do chuyển nơi cư trú trong nước được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật này;

~~Người đang hưởng lương hưu chuyển đến nơi ở khác trong nước và có nguyện vọng hưởng bảo hiểm xã hội ở nơi cư trú mới được thực hiện như sau:~~

~~a) Người đang hưởng lương hưu có nguyện vọng thay đổi hình thức nhận hoặc thay đổi nơi nhận do chuyển nơi cư trú trong nước thì có văn bản gửi cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang chi trả;~~

~~b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại điểm a khoản này, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.~~

3. Việc tạm dừng, chấm dứt, tiếp tục hưởng lương hưu được thực hiện theo quy định tại các Điều 75, 80 và 81 của Luật này.

30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 122 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

Phương án 1:

“c) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại nhà nước, và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, *ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ với điều kiện ngân hàng được xếp hạng tốt theo xếp hạng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong năm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.*

Không thực hiện đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;”

Phương án 2:

“c) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ; *với điều kiện ngân hàng được xếp hạng tốt theo xếp hạng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong năm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.*

Không thực hiện đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chính phủ quy định *chi tiết điểm c khoản 1 Điều này* và lộ trình đa dạng hóa, tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư và phương thức đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội, bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 121 của Luật này.”

31. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 130 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cơ quan ~~bảo hiểm xã hội~~ cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

~~Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Thủ trưởng cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật;”~~

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Thủ trưởng cơ quan ~~bảo hiểm xã hội~~ cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định, hành vi về bảo hiểm xã hội đã được Thủ trưởng cơ quan bảo hiểm xã hội cấp dưới giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.”

32. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 135 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Quy định việc lập quyết toán và phân công cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc duyệt, thẩm định, phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội; quy định việc quyết toán thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, ~~quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp.~~”

b) Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

“6. Quy định cụ thể quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội của bộ, cơ quan ngang bộ để tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này.”

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 138 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong phạm vi địa phương.

b) Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

c) Thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết, khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội;

đ) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã ~~các cấp thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội trong phạm vi địa phương theo phân cấp của Chính phủ và có trách nhiệm sau đây:~~

a) ~~Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội;~~

b) Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng

năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. *Trường hợp theo quy định của pháp luật mà trên địa bàn không tổ chức Hội đồng nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm;*

e) b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội;

đ) c) Kiểm tra, ~~thanh tra~~, xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội;

đ) ~~Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.~~

34. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 139 như sau:

“4. Bổ cụm từ “đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng” tại khoản 1 Điều 51 của Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12.”

35. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 141 như sau:

“11. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g và i khoản 1 Điều 2 của Luật này đã tham gia bảo hiểm xã hội trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên thì mức lương hưu hằng tháng thấp nhất bằng mức tham chiếu tại thời điểm giải quyết hưởng lương hưu.”

Điều 2. Thay thế, bỏ từ, cụm từ, bãi bỏ điểm, khoản tại một số điều

1. Thay thế một số cụm từ tại các điểm, khoản, điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội” và cụm từ “Bộ trưởng Bộ Y tế” bằng cụm từ: “cơ quan nhà nước có thẩm quyền được Chính phủ giao” tại điểm b khoản 2 Điều 10, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 43, điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64, điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 65, khoản 1 Điều 83, điểm d khoản 2 Điều 119, khoản 5 Điều 141;

b) Thay thế cụm từ “Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm” bằng cụm từ “Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm” tại điểm b khoản 1 Điều 43, điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64;

c) Thay thế cụm từ “Danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm” bằng cụm từ “Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm” tại điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 65.

2. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều như sau:

a) Bãi bỏ khoản 2 Điều 16; khoản 6 Điều 45; khoản 4 Điều 46; khoản 5 Điều 59; khoản 5 Điều 60; khoản 3 Điều 69; khoản 4 và khoản 5 Điều 76; khoản 5 Điều 86; khoản 4 Điều 101; khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 134 và khoản 13 Điều 141;

b) Bãi bỏ Điều 20 (trường hợp lựa chọn phương án 02 tại Điều 19), Điều 24, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 74, Điều 77, Điều 78, Điều 79, Điều 80, Điều 81, Điều 90, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 97, Điều 105, Điều 106, Điều 107, Điều 112, Điều 113, Điều 136 và Điều 137.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thi hành Luật này;

b) Quy định hồ sơ, thủ tục tham gia, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

c) Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều được giao trong Luật này;

d) Giao các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định việc tính, việc xác định điều kiện đối với từng trường hợp để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội; về thời điểm hưởng lương hưu;

đ) Giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định mẫu, trình tự, thẩm quyền cấp giấy tờ có trong hồ sơ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội do các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp và quy định giấy tờ thay thế trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn